TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v tranh chấp về
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 450/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐXX - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích N, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thị xã B C, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thị xã B C, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải bà Nguyễn Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông L đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B C, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng chung sống mà không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau và trên thực tế bà và ông L đã sống ly thân với nhau. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà N quyết định ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thành L1, sinh ngày 29/3/2013. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt . Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung: Do bị đơn vắng mặt, từ bỏ quyền tham gia phiên tòa, nên Tòa án căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của nguyên đơn để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích N và ông Nguyễn Thành L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là đúng với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Nhiên, ông Tuấn chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, các bên không còn thiện chí chung sống và thực tế bà N, ông L đã sống ly thân với nhau. Tại Biên bản xác minh ngày 04/8/2017, đối với cán bộ tư pháp xã A, thị xã B C nơi vợ chồng bà N, ông L sinh sống cho thấy tình trạng hôn nhân của bà N, ông L được xây

dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà N có người đàn ông khác bên ngoài, không còn chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông L lên để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Luân không đến cho thấy ông L không còn quan tâm hàn gắn gia đình để cùng vợ chăm sóc con cái.

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa bà N, ông L không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên cần giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống cho hai bên. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông L. Bà N được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N, ông L có 01 con chung tên Nguyễn Thành L1, sinh ngày 29/3/2013. Bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Xét cháu Nguyễn Thành L1 đã sống với bà N từ nhỏ đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của bà Nhiên là phù hợp có căn cứ chấp nhận nên cần giao các cháu tên Nguyễn Thành L1, sinh ngày 29/3/2013 cho bà N nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 28, 227, 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bích N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bà Nguyễn Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Bích N nuôi con chung tên Nguyễn Thành L1, sinh ngày 29/3/2013.

Ông Nguyễn Thành L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trợ cấp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Bích N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016224 quyển số AA/2016 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- Các đương sự;*:*
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã B C;
- Chi cục THADS thị xã B C;
- UBND xã A,
thị xã B C, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích